TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 12 - 2020
V/v xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIÊT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DI LINH – TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Duy Trâm, bà Lê Thị Chung.

- Thư ký phiên toà: Bà Đoàn Thị Vui – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L.

- Đại diện VKSND huyện D, tỉnh L tham gia phiên tòa: Bà My La - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh L. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 157/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2020, về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thụy Nguyên L; sinh năm 1993; HKTT: Thôn D, xã Đ, huyện D, tỉnh L; nơi cư trú: thôn T, xã Đ, huyện D, tỉnh L. Có mặt.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Luật sư Lê Thanh D, thuộc Văn phòng Luật sư P – Đoàn Luật sư tỉnh L. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Viết T; sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn D, xã Đ, huyện D, tỉnh L. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2020, các đơn khởi kiện bổ sung ngày 20 tháng 7 năm 2020, ngày 29 tháng 9 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn chị Phạm Thụy Nguyên L có nội dung:

Chị L và anh Nguyễn Viết T tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào ngày 09 tháng 5 năm 2016. Quá trình chung sống có một con chung tên là Nguyễn

Phạm Khả H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2016. Do vợ chồng không hợp nhau nên việc ai người ấy làm mà không có sự bàn bạc, thống nhất với nhau. Anh T tự vay tiền và sử dụng cho vay lại để hưởng chênh lệch lãi suất, môi giới mua bán nhà đất dẫn đến thua lỗ, nợ nần. Tháng 4 năm 2020 anh T bị khởi tố bắt giam do tàng trữ trái phép chất ma túy. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên tự nguyện làm đơn xin ly hôn với anh T, yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết về tài sản. Tuy nhiên, vợ chồng có các khoản nợ chung gồm: Nợ chị Võ Thị Thúy K 150.000.000 đồng; nợ bà Vũ Thị Thanh E 200.000.000 đồng; nợ ông Phạm Quang Đ 30.000.000 đồng. Chị L xác định sau khi ly hôn chị và anh T mỗi người có trách hiệm trả 1/2 các khoản nợ chung nêu trên.

Tại biên bản ghi lời khai và bản tự khai ngày 22/9/2020, anh T thừa nhận việc kết hôn, quá trình chung sống và mâu thuẫn, con chung, nợ chung như chị L trình bày là đúng. Tuy nhiên anh xác định còn yêu thương chị L nên không đồng ý ly hôn, trường hợp vợ chồng phải ly hôn thì anh đồng ý giao con cho chị L nuôi dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung nhưng có nợ chị Võ Thị Thúy K 150.000.000 đồng; nợ bà Vũ Thị Thanh E 200.000.000 đồng và nợ ông Phạm Quang Đ 30.000.000 đồng như chị L trình bày là đúng. Nay anh đồng ý trả ½ các khoản nợ nêu trên. Do anh đang bị tạm giam không thể tham gia tố tụng được, vì vậy anh đề nghị được vắng mặt tại phiên hòa giải, xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Di Linh đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T, giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phạm Khả H và anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu và xem xét các tài liệu chứng cứ đã thu thập được thẩm tra tại phiên Tòa, ý kiến của các đương sự, của đại diện Viện kiểm sát và kết quả tranh luận tại phiên Tòa hôm nay. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bị đơn anh Nguyễn Viết T và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Lê Thanh D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Cần căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án là đúng pháp luật.

[2] Chị Phạm Thụy Nguyên L và anh Nguyễn Viết T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp, được UBND xã Đ, huyện D, tỉnh L cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 49 ngày 09 tháng 05 năm 2016. Do vợ chồng bất đồng quan điểm nên phát

sinh mâu thuẫn trầm trọng, nay anh T lại vi phạm pháp luật hình sự nên chị L tự nguyện xin ly hôn. Về phía anh T cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng cho rằng còn yêu thương chị L nên không đồng ý ly hôn. Theo tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, anh T bị Công an huyện D khởi tố và bắt tạm giam vào ngày 17 tháng 4 năm 2020, sau đó bị xử phạt 12 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy tại Bản án số: 54/2020/HS-ST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện D. Do đó, có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị L và anh T ly hôn là phù hợp.

[3] Chị L và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Phạm Khả H, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2016 hiện nay chị L đang nuôi dưỡng. Xét thấy việc chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L xác định vợ chồng có nợ chung 150.000.000 đồng của chị Võ Thị Thúy K; nợ 200.000.000 đồng của bà Vũ Thị Thanh E và nợ ông Phạm Quang Đ 30.000.000 đồng. Sau khi nhận được thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa chị L và anh T, chị Võ Thị Thúy K không có đơn khởi kiện, bà Vũ Thị Thanh E và ông Phạm Quang Đ có đơn khởi kiện đối với chị L và anh T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản và được Tòa án thụ lý để giải quyết trong vụ án này. Ngày 29/9/2020 bà E và ông Đ cùng rút đơn khởi kiện, Tòa án đã ban hành quyết định tách vụ án và quyết định đình chỉ giải quyết đơn khởi kiện của bà E, ông Đ đối với chị L, anh T về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Vì vậy, Tòa án không giải quyết về nợ chung của chị L và anh T trong vụ án này, T hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác theo thủ tục chung.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 144, 147, 235, 273 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Phạm Thụy Nguyên L được ly hôn với anh Nguyễn Viết T.

2. Giao cho chị Phạm Thụy Nguyên L trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Phạm Khả Hn, sinh ngày 16 tháng 12 năm 2016. Anh Nguyễn Viết T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Việc thăm nom con, yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu thay đổi về cấp dưỡng nuôi con của các đương sự thực hiện theo qui định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Phạm Thụy Nguyên L phải chịu 300.000 đồng án phí xin ly hôn, được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số: AA/2017/0001464 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Di Linh (đã nộp đủ).

4. Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Lâm đồng;
- VKSND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- UBND xã Đinh Lạc;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Sỹ